

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/7/2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đỉnh

2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên tòa:
Ông Bò Đức Trọng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hoàng H**, sinh năm 1972;

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn C**, sinh năm 1969;

Cùng cư trú: Ấp 3, xã M, thị xã C, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/3/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hoàng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông C chung sống với nhau vào năm 1990 có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Bình Phước. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông C thường nhậu nhẹt rồi về đánh đập, xúc phạm bà. Bà H cũng đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông C không nghe. Mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, mặc ai sống sao thì sống, vợ chồng không sinh hoạt chung. Nay bà H cảm thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông C.

Về con chung: Vợ chồng bà H, ông C có 04 con chung tên Nguyễn M, sinh năm 1991; Nguyễn T, sinh năm 1995; Nguyễn Ô, sinh năm 2000 và Nguyễn Thị N, sinh năm 2007. Do các con chung Nguyễn M, Nguyễn T, Nguyễn Ô đã đủ tuổi trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Thị N trước đây bà H yêu cầu giao cho ông Nguyễn C trực tiếp nuôi dưỡng nhưng sau đó bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu giao con chung Nguyễn Thị N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn C mặc dù đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng ông C vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông C được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng H xin vắng mặt và không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Ông Nguyễn C vắng mặt không lý do và không cung cấp chứng cứ tài liệu gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành phát biểu ý kiến.

+ Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 BLTTDS còn bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 và Điều 234 BLTTDS.

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy: Bà H, ông C chung sống với nhau vào năm 1990 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy ông bà thường xuyên mâu thuẫn và không còn quý trọng, quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho bà Hoàng H được ly hôn với ông Nguyễn C.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị N, sinh năm 2007 cho bà Hoàng H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp:* Theo đơn khởi kiện và yêu cầu trong suốt quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Hoàng H, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Do bị đơn ông Nguyễn C có nơi cư trú tại ấp 3, xã M, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[1.3] *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn C mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.1] Bà Hoàng H và ông Nguyễn C tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Lập, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

[2.1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án bà H cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông C thường nhậu nhẹt rồi về đánh đập, xúc phạm bà. Bà H cũng đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông C không nghe. Mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, mặc ai sống sao thì sống, vợ chồng không sinh hoạt chung. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã mời ông C làm việc nhưng ông C vắng mặt không lý do còn bà H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, giữa bà H và ông C không còn quan tâm nhau và cũng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà H cho bà H được ly hôn với ông C.

[2.1.3] Về con chung: Vợ chồng bà H, ông C có 04 con chung tên Nguyễn M, sinh năm 1991; Nguyễn T, sinh năm 1995; Nguyễn Ô, sinh năm 2000 và **Nguyễn Thị N, sinh năm 2007**. Do các con chung Nguyễn M, Nguyễn T, Nguyễn Ô đã đủ tuổi trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Thị N trước đây bà H yêu cầu giao cho ông Nguyễn C trực tiếp nuôi dưỡng nhưng sau đó bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện giao con chung Nguyễn Thị N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, ông C không có mặt khi Tòa án triệu tập làm việc,

tham gia phiên tòa, không có văn bản ý kiến gì về con chung. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con chung tên Nguyễn Thị N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng khi vợ chồng ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H, ông C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.1.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Hoàng H phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Hoàng H được ly hôn với ông Nguyễn C.
2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Thị N, sinh năm 2007** cho bà Hoàng H trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết
4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà Hoàng H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004172 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.
5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- UBND xã M, thị xã C
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

